

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/KDTM-ST.

Ngày: 17/8/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2020 về Tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV.

Địa chỉ: Toà nhà Capital Tower số 109 Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Doãn S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến V - Giám đốc, (theo quyết định số 705/2016/QĐ-CTHĐQT ngày 18/10/2016 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng BDLV).

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông Phan Văn C - Cán bộ xử lý nợ, (văn bản uỷ quyền số 247/2018/UQ-LVPotsBank ngày 04/5/2018); có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1964 và bà Phan Thị H, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, thành phố Hà Nội. Điều vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn T, sinh năm 1969; bà Phan Thị N, sinh năm 1979; anh Phan Văn T1, sinh năm 2000; cháu Phan Diệu L, sinh năm 2003. đều vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Phan Diệu L: Ông Phan Văn T, sinh năm 1969 và bà Phan Thị N, sinh năm 1979; đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, huyện TT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2019 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 17/7/2017, ông Phan văn S, bà Phan Thị H đã ký kết hợp đồng tín dụng số HĐT1232017502 và Khế ước nhận nợ số 123017502/001 với Ngân hàng BDLV - Chi nhánh ĐĐ, theo đó ông S, bà H vay ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 7,25%/năm trong 3 tháng đầu; 9,35%/năm trong 6 tháng tiếp theo; 9,55%/năm trong những tháng còn lại. Mục đích bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đồ gỗ nội thất.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 11, diện tích 221,6m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BY 691762, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00546/QSĐĐ/368/TTr-VPĐK do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 15/5/2015 cho ông Phan Văn T và bà Phan Thị N, có địa chỉ: Thôn Đ, xã HB, Huyện TT, TP Hà Nội, diện tích: 221,6 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3785/2017/HĐTC, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/7/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội.

Các tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà H mới trả cho ngân hàng số tiền lãi là 26.212.294 đồng, còn tiền gốc thì chưa trả được đồng nào. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông S, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả, nên khoản vay của ông S, bà H đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ tháng 12/2017. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông S, bà H và các bên liên quan để yêu cầu trả nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý, tuy nhiên các bên vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cũng không bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng BDLV xử lý thu hồi nợ.

Tính đến ngày 26/5/2020, ông S, bà H còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 72.718.955 đồng; tiền lãi quá hạn là 297.203.958 đồng, tổng cộng là 1.469.922.913 đồng.

Nay ngân hàng đề nghị ông S, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP BDLV theo Hợp đồng tín dụng số HĐT1232017502 và Khế ước nhận nợ số 123017502/001 ký ngày 17/7/2017 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2020 là: 1.469.922.913 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông S, bà H phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay. Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông S, bà H không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ và các Bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông S, bà H theo Hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng TMCP BDLV được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 11, diện tích 221,6m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BY 691762, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00546/QSDĐ/368/TTr-VPĐK do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 15/5/2015 cho ông Phan Văn T và bà Phan Thị N, có địa chỉ: Thôn Đ, Xã HB, Huyện TT, TP Hà Nội, diện tích: 221,6 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3785/2017/HĐTC, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/7/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2020 của bị đơn là bà Phan Thị H trình bày thì: Bà là vợ ông Phan Văn S. Bà thừa nhận, năm 2017 bà và ông S cùng Ngân hàng TMCP BDLV đã ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 1.100.000.000đồng. Nhưng bà và ông S chỉ ký vào hợp đồng tín dụng chứ không được sử dụng số tiền vay vì số tiền này ông bà vay hộ ông Phan Văn T, sinh năm 1969, là em trai ông S. Toàn bộ số tiền vay ông T sử dụng như thế nào và trả gốc, lãi hàng tháng như thế nào bà H không biết. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay, ông Phan Văn T cùng vợ là bà Phan Thị N đã thế chấp đất ở đứng tên ông T, bà N tại xã HB. Trên đất thế chấp có ông T, bà N cùng các con là Phan Văn T và Phan Diệu L đang ở. Nay ngân hàng yêu cầu ông S, bà H trả nợ, ông bà sẽ thống nhất, bàn bạc với ông T, bà N để có phương án trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn là ông Phan Văn S cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T, bà Phan Thị N và anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần và đến tận nhà để làm việc, xong những người có tên trên không đến Tòa và không có mặt nên không ghi được ý kiến của những người này.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP BDLV giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 17/8/2020 là 1.506.252.705 đồng: bao gồm: Nợ gốc 1.100.000.000 đồng; lãi quá hạn 333.533.750 đồng; lãi

trong hạn 72.718.955 đồng, và số tiền lãi phát sinh sau ngày 17/8/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết số nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không chịu thanh toán thì Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 351, 385, 398, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án phát sinh là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BDLV và bị đơn là ông Phan Văn S, bà Phan Thị H. Bị đơn có địa chỉ tại huyện TT, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Phan Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T, bà Phan Thị N và anh Phan Văn T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập đến phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông S, ông Th, bà N và anh T.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng số HĐT1232017502 và Khế ước nhận nợ số 123017502/001 ngày 17/7/2017 được ký kết giữa các bên có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và

nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng BDLV đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành giải ngân các khoản vay cho ông S, bà H theo thỏa thuận. Mặc dù thực tế ông S, bà H có đứng ra vay hộ ông T, bà N thì ông S, bà H vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên ông S, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn, nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Ngày 06 tháng 12 năm 2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu ông S, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông S, bà H không thực hiện. Đến ngày 30/6/2019 Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án.

Tính đến ngày 17/8/2020, ông S, bà H còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng; lãi quá hạn 333.533.750 đồng; lãi trong hạn 72.718.955 đồng. Tổng cộng 1.506.252.705 đồng. Ngân hàng TMCP BDLV yêu cầu ông S, bà H thanh toán số tiền trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. *(tiền lãi được tính theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng BDLV).*

Kể từ ngày 18/8/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng BDLV.

2.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng BDLV: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3785/2017/HĐTC, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/7/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/7/2017 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hà Nội- chi nhánh TT giữa Ngân hàng TMCP BDLV *(bên nhận thế chấp)* với ông Phan Văn T, bà Phan Thị N *(bên bảo lãnh thế chấp)* đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch, phù hợp với các quy định tại Điều 298, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 41 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2020 thì: Trên thửa đất đất số 378, tờ bản đồ số 11, diện tích 221,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 691762, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00546/QSDD/368/TTr-VPĐK do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 15/5/2015 cho ông Phan Văn T và bà Phan Thị N, có 01 nhà cấp 4 mái ngói 5 gian, 01 nhà mái bằng, công trình phụ, mái tôn sân gạch, tường bao, được thể hiện trong nội dung hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của gia đình ông Phan Văn T và bà Phan Thị N đã

đứng ra bảo lãnh thế chấp cho khoản vay của ông S, bà H. Hiện nay có ông Phan Văn T, bà Phan Thị N, anh Phan Văn T1 và Phan Diệu L đang sinh sống trên thửa đất này.

Do vậy trường hợp ông S, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo lãnh thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3785/2017/HĐTC, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/7/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP BDLV tự chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng TMCP BDLV đã nộp đủ số tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông S, bà H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 57.187.000 đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 335, 351, 385, 398, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV

Buộc ông Phan Văn S, bà Phan Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2020 là 1.506.252.705đ (*một tỷ năm trăm linh sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm linh năm đồng*), bao gồm: Nợ gốc 1.100.000.000 đồng; lãi trong hạn 72.718.955 đồng; lãi quá hạn 333.533.750 đồng;

Kể từ ngày 18/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Phan Văn S, bà Phan Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP BDLV.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất thì lãi suất mà ông Phan Văn S, bà Phan Thị H phải chịu theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP BDLV

Kể từ khi ông S, bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BDLV phải giải chấp tài sản thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 691762 cho ông Phan Văn T, bà Phan Thị N.

1.2. Trường hợp ông S, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 11, diện tích 221,6m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BY 691762, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00546/QSĐĐ/368/TTr-VPĐK do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 15/5/2015 cho ông Phan Văn T và bà Phan Thị N, có địa chỉ: Thôn Đ, Xã HB, Huyện TT, TP Hà Nội, diện tích: 221,6 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3785/2017/HĐTC, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/7/2017 tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

1.3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Phan Văn S, bà Phan Thị H phải chịu 57.187.000đ (*năm bảy triệu một trăm tám bảy nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền 23.141.000 đ (*hai mươi ba triệu một trăm bốn một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AB/2014/07276 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng BDLV chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng BDLV đã nộp đủ số tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu HSVA.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thiết

